

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **100/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/3/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba;

2. Ông Phạm Thế Tụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HN ngày 09/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trịnh Ngọc A**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Công B**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Công B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp do anh B thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 15/8/2017. Hiện nay hai con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Trần Công B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị Trịnh Ngọc A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2021 đến nay do có mâu thuẫn trong cuộc sống, hiện không còn tình cảm, anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn;

Về con chung: giao 02 con chung cho chị A tiếp tục nuôi, anh B không cấp dưỡng do chị A không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Ngọc A và anh Trần Công B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 20 tháng 5 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận việc. Bị đơn anh Trần Công B đã được triệu tập họp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, không quan tâm nhau trong thời gian dài và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị A khai đã nhiều lần khuyên anh B sửa đổi khuyết điểm nhưng vẫn không thay đổi nên mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của chị A, điều đó cho thấy anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 15/8/2017. Hiện hai con chung đang sống với chị A. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy anh B không có ý kiến phản đối nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về mặt tâm lý nên giao cho chị A tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị A không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị A nuôi con chung, anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trịnh Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Ngọc A đối với anh Trần Công B.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Ngọc A được ly hôn với anh Trần Công B;

1.2. *Về con chung:* Giao 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 25/8/2009 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 15/8/2017 cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. *Về tài sản chung:* Không có;

1.4. *Về nợ chung:* Không có.

2. *Về án phí:* Chị Trịnh Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0025199 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. *Quyền kháng cáo:* Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil